TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày 28 – 6 – 2021
" *V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Đào và bà Trần Thị Thanh Thắm

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST – DS ngày 11 tháng 3 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST- DS, ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị D, sinh năm 1970 – Có mặt

Địa chỉ: 207 H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Ông Vũ Đức H, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984 – Vắng mặt

Địa chỉ: Buôn E, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Q, sinh năm 1968 – Có mặt

Địa chỉ: 207 H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng nguyên đơn Phan Thị D trình bày:

Ngày 20/01/2020 vợ chồng ông Vũ Đức H, bà Nguyễn Thị H1 có vay của bà D số tiền 285.000.000 đồng, hẹn ngày 20/02/2020 trả đủ. Khi vay không cầm cố, thế chấp tài sản gì, không thỏa thuận lãi. Đến ngày 10/02/2021 vợ chồng ông H, bà H1 mới trả cho bà D được 40.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ lại 245.000.000 đồng nợ gốc và lãi. Khoản tiền bà D cho vợ chồng ông H, bà H1 vay không liên quan đến chồng bà là ông Nguyễn Q. Nay bà D yêu cầu vợ chồng ông H, bà H1

phải trả cho bà D số tiền gốc là 245.000.000 đồng và lãi suất 10%/ năm kể từ khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24/3/2021 bị đơn ông Vũ Đức H và bà Nguyễn Thị H1: Vợ chồng ông H, bà H1 thừa nhận ngày 20/01/2020 có vay của bà Phan Thị D số tiền 285.000.000 đồng, hẹn ngày 20/02/2020 trả đủ số tiền gốc. Khi bà D cho vợ chồng ông H vay số tiền trên thì bà không nhận cầm cố, thế chấp tài sản gì của vợ chồng ông H, hai bên không thỏa thuận lãi. Đến ngày 10/02/2021 vợ chồng ông H mới trả cho bà D được 40.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại 245.000.000 đồng nợ gốc và lãi. Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên xin được trả nợ dần.

Người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Q trình bày: Số tiền bà Phan Thị D cho vợ chồng ông H, bà H1 vay không liên quan gì đến ông nên ông Q đồng ý để một mình bà Phan Thị D khởi kiện bị đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Vũ Đức H, bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị D 245.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngày 20/01/2020 vợ chồng ông Vũ Đức H, bà Nguyễn Thị H1 vay của bà Phan Thị D 285.000.000 đồng, hạn trả ngày 20/02/2020. Khi vay không cầm cố, thế chấp tài sản gì, không thỏa thuận lãi. Đến ngày 10/02/2021 vợ chồng ông H, bà H1 mới trả 40.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ lại 245.000.000 đồng. Như vậy, vợ chồng ông H, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3.1]. Về nghĩa vụ trả nợ: Qúa trình giải quyết vụ án bà Phan Thị D, ông Vũ Đức H và bà Nguyễn Thị H1 cùng cho rằng bà Phan Thị D là người cho vay, ông Nguyễn Q (chồng bà D) cũng thống nhất để một mình bà Phan Thị D khởi kiện bị đơn. Vì vậy, buộc vợ chồng ông Vũ Đức H, bà Nguyễn Thị H1 trả cho bà Phan Thị D số tiền gốc và lãi phát sinh là phù hợp quy định pháp luật.

[3.2]. Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi 10%/năm từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi giải quyết xong vụ án (ngày xét xử). Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với khoản 4 Điều 466 BLDS để tính lãi cụ thể như sau:

- Tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (21/02/2020) đến ngày 10/02/2021 trả 40.000.000 đồng: 285.000.000 đồng x 10%/năm x 11 tháng 20 ngày = 27.686.644 đồng.

- Tính từ ngày 11/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/6/2021): 245.000.000 đồng x 10%/năm x 4 tháng 17 ngày = 9.307.763 đồng.

Tổng số tiền lãi suất là: 36.994.406 đồng (làm tròn 36.994.000 đồng)

Như vậy, tổng số tiền vợ chồng ông H, bà H1 có nghĩa vụ trả cho bà D 281.994.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 245.000.000 đồng và tiền lãi 36.994.000 đồng).

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 281.994.000 đồng x 5% = 14.099.700 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Áp dụng các Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị D.

Buộc vợ chồng ông Vũ Đức H, bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị D 281.994.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 245.000.000 đồng và tiền lãi 36.994.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Vũ Đức H, bà bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 14.099.700 đồng án phí dân sư sơ thẩm.

Nguyên đơn Phan Thị D được nhận lại 7.830.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 11/3/2021, biên lai số AA/2019/0019885 tại Chi cục thi hành án huyện C.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Cư M'gar;*
- *Chi cục THADS huyện Cư M'gar;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Tha